

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 14 tháng 9 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên
và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chế độ, chính sách đối với Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 152/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Phú Yên về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh;

Sau khi xem xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh về quy định số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Quy định số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên

1.1. Quy định số lượng Phó trưởng Công an xã:

Quy định số lượng Phó trưởng Công an xã đối với 83 xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, xã loại 1, xã loại 2 gồm: thành phố Tuy Hòa 03 xã, thị xã Sông Cầu 09 xã, huyện Tuy An 12 xã, huyện Phú Hòa 07 xã, huyện Đông Hòa 10 xã, huyện Tây Hòa 11 xã, huyện Đồng Xuân 10 xã, huyện Sơn Hòa 11 xã, huyện Sông Hinh 10 xã (có danh mục kèm theo).

Mỗi xã được bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã.

1.2. Quy định số lượng Công an viên:

a) Quy định số lượng Công an viên đối với 457 thôn, buôn thuộc các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 gồm: thành phố Tuy Hòa 17 thôn; thị xã Sông Cầu 41 thôn; huyện Tuy An 66 thôn; huyện Phú Hòa 35 thôn, buôn; huyện Đông Hòa 50 thôn; huyện Tây Hòa 70 thôn; huyện Đồng Xuân 48 thôn; huyện Sơn Hòa 63 thôn, buôn; huyện Sông Hinh 67 thôn, buôn (có danh mục kèm theo).

Mỗi thôn, buôn được bố trí không quá 02 Công an viên.

b) Quy định số lượng Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hàng ngày tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã đối với 91 xã trên toàn tỉnh.

Mỗi xã được bố trí không quá 03 Công an viên.

2. Chế độ, chính sách đối với Công an xã

Chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho Công an xã; Phụ cấp thâm niên cho Trưởng Công an xã; Trợ cấp cho Công an xã khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị quyết số 152/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của HĐND tỉnh Phú Yên về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.
2. Quy định số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên được thực hiện kể từ ngày 01/01/2013.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

DANH MỤC
83 XÃ TRỌNG ĐIỂM PHỨC TẠP VỀ
AN NINH TRẬT TỰ, XÃ LOẠI 1, XÃ LOẠI 2
(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 14/9/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

1. Thành phố Tuy Hòa (03 xã): Xã An Phú, xã Bình Kiến (*xã loại 1*) và xã Hòa Kiến (*xã loại 2*).

2. Thị xã Sông Cầu (09 xã): Xã Xuân Lộc, xã Xuân Hải, xã Xuân Hòa, xã Xuân Cảnh, xã Xuân Thịnh, xã Xuân Phương (*xã loại 1*) và xã Xuân Bình, xã Xuân Lâm, xã Xuân Thọ 2 (*xã loại 2*). Trong đó xã Xuân Hải được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

3. Huyện Tây Hòa (11 xã): Xã Sơn Thành Đông, xã Hòa Mỹ Tây, xã Hòa Mỹ Đông, xã Hòa Bình 2, xã Hòa Đồng, xã Hòa Thịnh (*xã loại 1*) và xã Sơn Thành Tây, xã Hòa Phú, xã Hòa Tân Tây, xã Hòa Bình 1, xã Hòa Phong (*xã loại 2*). Trong đó xã Sơn Thành Đông, xã Hòa Mỹ Tây, xã Hòa Mỹ Đông, xã Hòa Bình 2, xã Hòa Đồng, xã Hòa Thịnh, xã Sơn Thành Tây, xã Hòa Phú được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

4. Huyện Đông Hòa (10 xã): Xã Hòa Vinh, xã Hòa Tân Đông, xã Hòa Thành, xã Hòa Xuân Tây, xã Hòa Xuân Đông, xã Hòa Xuân Nam, xã Hòa Hiệp Bắc, xã Hòa Hiệp Trung, xã Hòa Hiệp Nam, xã Hòa Tâm (*xã loại 1*). Trong đó xã Hòa Hiệp Trung, xã Hòa Hiệp Nam được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

5. Huyện Phú Hòa (07 xã): Xã Hòa Trị, xã Hòa An, xã Hòa Thắng, xã Hòa Quang Bắc, xã Hòa Quang Nam (*xã loại 1*) và xã Hòa Định Tây, xã Hòa Hội (*xã loại 2*).

6. Huyện Sông Hinh (10 xã): Xã EaLy (*xã loại 1*) và xã EaLâm, xã Sông Hinh, xã EaBar, xã EaBá, xã EaBia, xã EaTrol, xã Sơn Giang, xã Đức Bình Tây, xã Đức Bình Đông (*xã loại 2*). Trong đó xã EaLy, xã EaLâm, xã Sông Hinh được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

7. Huyện Sơn Hòa (11 xã): Xã Sơn Hội (*xã loại 1*) và xã Sơn Hà, xã Sơn Nguyên, xã Phước Tân, xã Suối Bạc, xã Suối Trai, xã Krông Pa, xã EaChàRang, xã Sơn Phước, xã Sơn Định, xã Cà Lúi (*xã loại 2*). Trong đó xã Sơn Hà, xã Sơn Nguyên, xã Phước Tân, xã Suối Bạc, xã Suối Trai, xã Krông Pa, xã EaChà Rang được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

8. Huyện Đồng Xuân (10 xã): Xã Xuân Phước, xã Xuân Lãnh, xã Phú Mỡ (*xã loại 1*) và xã Xuân Quang 1, xã Xuân Quang 2, xã Xuân Quang 3, xã Xuân Sơn Bắc, xã Xuân Sơn Nam, xã Xuân Long, xã Đa Lộc (*xã loại 2*). Trong đó xã Xuân Lãnh, xã Phú Mỡ được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

9. Huyện Tuy An (12 xã): Xã An Chấn, xã An Mỹ, xã An Hòa, xã An Hải, xã An Ninh Tây, xã An Ninh Đông (*xã loại 1*) và xã An Hiệp, xã An Thọ, xã An Nghiệp, xã An Lĩnh, xã An Cư, xã An Dân (*xã loại 2*). Trong đó xã An Mỹ được xác định là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự./.

DANH MỤC
457 THÔN, BUÔN THUỘC CÁC XÃ TRỌNG ĐIỂM
PHÚC TẠP VỀ AN NINH TRẬT TỰ, XÃ LOẠI 1, XÃ LOẠI 2
(Kèm theo nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 14/9/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Thôn	Buôn
I	THÀNH PHỐ TUY HÒA	17	17	0
1	Xã Bình Kiến	4	4	
2	Xã Hòa Kiến	8	8	
3	Xã An Phú	5	5	
II	HUYỆN PHÚ HÒA	35	34	1
1	Xã Hòa An	5	5	
2	Xã Hòa Thắng	5	5	
3	Xã Hòa Định Tây	3	3	
4	Xã Hòa Trị	5	5	
5	Xã Hòa Hội	3	2	1
6	Xã Hòa Quang Nam	6	6	
7	Xã Hòa Quang Bắc	8	8	
III	HUYỆN SƠN HÒA	63	37	26
1	Xã Sơn Hà	6	6	
2	Xã Sơn Nguyên	5	5	
3	Xã Sơn Định	5	5	
4	Xã Sơn Hội	8	8	
5	Xã Phước Tân	6	6	
6	Xã Cà Lúi	7		7
7	Xã Krông Pa	7	1	6
8	Xã Suối Trai	4		4
9	Xã Sơn Phước	5		5
10	Xã Ea Chà Rang	4		4
11	Xã Suối Bạc	6	6	
IV	HUYỆN SÔNG HINH	67	36	31
1	Xã Sơn Giang	9	9	
2	Xã Đức Bình Đông	6	5	1
3	Xã Đức Bình Tây	5	3	2
4	Xã Sông Hinh	8	7	1
5	Xã Ea Trol	9	3	6
6	Xã Ea Bia	7		7
7	Ea Bá	4		4
8	Xã Ea Lâm	5		5
9	Xã Ea Bar	8	4	4
10	Xã Ea Ly	6	5	1
V	HUYỆN TÂY HÒA	70	70	0
1	Xã Hòa Bình 1	5	5	

2	Xã Hòa Bình 2	5	5	
3	Xã Hòa Tân Tây	4	4	
4	Xã Hòa Đông	7	7	
5	Xã Hòa Thịnh	10	10	
6	Xã Hòa Mỹ Đông	6	6	
7	Xã Hòa Mỹ Tây	5	5	
8	Xã Hòa Phong	8	8	
9	Xã Hòa Phú	5	5	
10	Xã Sơn Thành Tây	7	7	
11	Xã Sơn Thành Đông	8	8	
VI	HUYỆN ĐÔNG HÒA	50	50	0
1	Xã Hòa Tân Đông	6	6	
2	Xã Hòa Xuân Tây	6	6	
3	Xã Hòa Xuân Đông	6	6	
4	Xã Hòa Xuân Nam	2	2	
5	Xã Hòa Tâm	5	5	
6	Xã Hòa Thành	6	6	
7	Xã Hòa Vinh	5	5	
8	Xã Hòa Hiệp Bắc	3	3	
9	Xã Hòa Hiệp Trung	8	8	
10	Xã Hòa Hiệp Nam	3	3	
VII	HUYỆN TUY AN	66	66	0
1	Xã An Thọ	5	5	
2	Xã An Lĩnh	6	6	
3	Xã An Chấn	5	5	
4	Xã An Mỹ	5	5	
5	Xã An Hòa	8	8	
6	Xã An Hải	6	6	
7	Xã An Nghiệp	4	4	
8	Xã An Cư	5	5	
9	Xã An Ninh Đông	4	4	
10	Xã An Ninh Tây	5	5	
11	Xã An Hiệp	6	6	
12	Xã An Dân	7	7	
VIII	THỊ XÃ SÔNG CẦU	41	41	0
1	Xã Xuân Lâm	4	4	
2	Xã Xuân Lộc	7	7	
3	Xã Xuân Bình	5	5	
4	Xã Xuân Hải	5	5	
5	Xã Xuân Hòa	3	3	
6	Xã Xuân Cảnh	4	4	
7	Xã Xuân Thịnh	4	4	
8	Xã Xuân Thọ 2	4	4	
9	Xã Xuân Phương	5	5	

IX	HUYỆN ĐỒNG XUÂN	48	48	0
1	Xã Đa Lộc	6	6	
2	Xã Xuân Lãnh	8	8	
3	Xã Xuân Quang 1	5	5	
4	Xã Xuân Quang 2	4	4	
5	Xã Xuân Quang 3	3	3	
6	Xã Phú Mỹ	5	5	
7	Xã Xuân Sơn Bắc	3	3	
8	Xã Xuân Sơn Nam	5	5	
9	Xã Xuân Long	4	4	
10	Xã Xuân Phước	5	5	
	Tổng cộng: 83 xã	457	399	58